

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu, ông Trương Quang Huy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thê Thanh, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình thụ lý số: 40/2024/HSST ngày 29/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024; đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đình D, sinh ngày 02/6/1959; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Q; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình K (đã chết) và con bà Bùi Thị G (đã chết); có vợ Trương Thị Y, sinh năm 1962; có 06 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Viết L, sinh ngày 22/10/1985; nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 và con bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962; có vợ Trần Thị Thu T, sinh năm 1993; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q, vắng mặt.

2. Chị Hà Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 17/4/2024, Hoàng Đình D, sinh năm 1959, trú tại thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Q và Nguyễn Viết L, sinh năm 1985, trú tại khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q đi đến khu vực gần biên thuộc địa phận thôn T, xã N để sửa chữa mô tơ điện bị hỏng. Tại đây, Nguyễn Viết L thấy có nhiều mô tơ điện không hoạt động nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Viết L rủ Hoàng Đình D lấy trộm mô tơ thì Hoàng Đình D đồng ý. Chiều ngày 17/4/2024, Hoàng Đình D đi đến quán phở liệu của chị Hà Thị H, sinh năm 1965, chỗ ở thôn P, xã H và xin số điện thoại rồi liên lạc với chị Hà Thị H trao đổi giá mua bán mô tơ điện. Khoảng 11 giờ 30 ngày 18/4/2024, Hoàng Đình D điều khiển xe mô tô BKS 61G1-085.22 của mình chở Nguyễn Viết L kéo 01 (một) xe ba gác và mang theo 03 (ba) cái cờ lê (là tài sản của anh Nguyễn Văn H) đi từ chỗ ở tại nơi làm việc ở thôn T, xã N đến khu vực đặt mô tơ điện để trộm cắp tài sản. Hoàng Đình D sử dụng 03 (ba) cái cờ lê mở 01 (một) cái mô tơ điện ba pha của anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1975, trú tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q ra khỏi giá đặt mô tơ và guồng bơm nước. Sau khi tháo mô tơ xong, cả hai đẩy mô tơ lên xe ba gác rồi Hoàng Đình D điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Viết L kéo xe ba gác về chỗ ở của mình. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, Hoàng Đình D điều khiển xe mô tô kéo xe ba gác chở mô tơ đã lấy trộm được đến bán cho chị Hà Thị H với giá 2.200.000 đồng. Sau đó, Hoàng Đình D chia cho Nguyễn Viết L số tiền 950.000 đồng, số tiền trên các bị cáo đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Tiếp đến, khoảng 04 giờ 30 ngày 23/4/2024, Nguyễn Viết L tiếp tục rủ Hoàng Đình D đi lấy trộm mô tơ điện tại khu vực gần biên thuộc địa phận thôn T, xã N thì Hoàng Đình D đồng ý. Hoàng Đình D điều khiển xe mô tô BKS 61G1 - 085.22 chở Nguyễn Viết L kéo xe ba gác và mang theo 03 cái cờ lê đi từ chỗ ở tại thôn T, xã N đến khu vực đặt mô tơ điện để trộm cắp tài sản. Hoàng Đình D sử dụng 03 cái cờ lê mở 01 (một) cái mô tơ điện ba pha của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973, trú tại thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Q ra khỏi giá đặt mô tơ và guồng bơm nước. Sau khi tháo được mô tơ, Hoàng Đình D và Nguyễn Viết L đẩy mô tơ lên xe ba gác rồi Hoàng Đình D điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Viết L kéo xe ba gác về chỗ ở tại thôn T, xã N. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Hoàng Đình D điều khiển xe mô tô kéo xe ba gác chở mô tơ đã lấy trộm được đến bán cho chị Hà Thị H với giá 2.500.000 đồng. Hoàng Đình D chia cho Nguyễn Viết L số tiền 950.000 đồng, số tiền trên các bị cáo đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Chị Hà Thị H đã tách mô tơ ra thành nhiều phần để lấy lõi đồng và bán đồng cho người khác được số tiền 1.140.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 28/5/2024 của HĐĐGTS trong TTHS huyện Lệ Thủy kết luận: 01 (một) cái mô tơ điện 3 pha, loại Rotor dây quấn, công suất 15KW do Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội sản xuất, đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Đức S mua năm 2020, bị mất trộm ngày 18/4/2024 có trị giá 3.600.000 đồng; 01 (một) cái mô tơ điện 3 pha, loại

Rotor dây quần, công suất 15KW do Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội sản xuất, đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Văn N mua năm 2013, bị mất trộm ngày 23/4/2024 có trị giá 800.000đồng.

Về vật chứng: Ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, biển số: 61G1- 08522, màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 (một) xe ba gác tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cò-lê loại một đầu mở, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cò-lê loại hai đầu mở, chiều dài 18cm, thân rộng 1,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cò-lê loại hai đầu mở, chiều dài 17,5cm, thân rộng 1,5cm, đã qua sử dụng (có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu) do Hoàng Đình D giao nộp.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ: 01 (một) cái mô tơ điện, kích thước (60x30x35)cm, khối lượng 122kg, vỏ mô tơ bị hoen rỉ, trên mô tơ có 03 sợi dây điện lõi đồng; 01 (một) khối kim loại, kích thước (65x28)cm, khối lượng 45,2 kg; 01 (một) khối kim loại, kích thước (36x33)cm, khối lượng 18kg; 01 (một) khối kim loại, kích thước (36x35)cm, khối lượng 20kg; 01 (một) khối kim loại, kích thước (25x8)cm, khối lượng 14kg; 01 (một) khối kim loại, kích thước (25x10)cm, khối lượng 18kg; 01 (một) khối kim loại, kích thước (27x3)cm, khối lượng 5kg do bà Hà Thị H giao nộp .

Ngày 20/6/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản do bà Hà Thị H giao nộp cho ông Nguyễn Đức S và ông Nguyễn Văn N, là chủ sở hữu.

Riêng những tài sản, công cụ phương tiện phạm tội do Hoàng Đình D giao nộp tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Đức S, Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm; Anh Nguyễn Văn H yêu cầu được trả lại 01 (một) xe ba gác tự chế và 03 (ba) cái cò lê.

Bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L đã trả lại cho chị Hà Thị H số tiền 3.560.000đồng là tiền bán 02 (hai) cái mô tơ cho chị H đã trừ số tiền chị H bán lõi đồng, chị H yêu cầu các bị cáo bồi hoàn số tiền 1.100.000 đồng còn thiếu.

Tại bản Cáo trạng số: 44/THQCT-VKS-KT, ngày 29/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy tố bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L từ 06 đến 09 tháng tù. Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, biển số: 61G1- 08522, màu đỏ đen, đã qua sử dụng; trả lại 01 (một) xe ba gác tự chế và 03 (ba) cái cò lê đã qua sử dụng cho dụng cho anh Nguyễn Văn Hùng là chủ sở hữu người quản lý hợp pháp; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đề nghị xem xét; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và yêu cầu các bị cáo liên đới bồi hoàn số tiền 1.100.000 đồng, đề nghị HĐXX xem xét.

Các bị cáo không phát biểu lời bào chữa, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng tại phiên tòa của các bị cáo: Bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lê Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lê Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự có mặt của người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, xét thấy quyền lợi của họ trong vụ án đã được giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, hồ sơ vụ án cũng đã có đầy đủ lời khai của những người này, tại phiên tòa xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử đã công bố. Việc các đương sự trên vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Các bị cáo đều khai do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên cùng rủ nhau trộm cắp tài sản. Trong 02 ngày 18/4/2024 và 23/4/2024, tại thôn T, xã N, Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L đã thực hiện trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn N trị giá tài sản chiếm đoạt là 800.000đồng và trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Đức S trị giá tài sản chiếm đoạt là 3.600.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút trộm cắp tài sản của công dân với tổng giá trị tài sản là 4.400.000đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố và xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội thuộc lỗi cố ý. Đây là vụ án đồng phạm nhưng

giữa các bị cáo không có sự phân công, tổ chức chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức; L là người khởi xướng rủ rê, D là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội và cùng nhau mang tài sản đi tiêu thụ và cùng nhau tiêu xài số tiền thu được từ tài sản trộm cắp được. Vì vậy, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương; muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà phạm tội. Vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; Hoàng Đình D có thời gian công tác trong Quân đội; các bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện qua việc không có tiền án, tiền sự. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhất trí áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, số tài sản trộm cắp phạm tội liên tục nhưng không đủ tang số để truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 14/8/2024 Công an huyện Lê Thủy đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000đồng; mặt khác mục đích xâm hại sở hữu do điều kiện hoàn cảnh khách quan, không có tính chất chuyên nghiệp, không lấy tài sản do xâm hại hữu mà có làm nguồn sống chính nên không thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; cũng không thuộc trường hợp định khung hình phạt “Có tính chất chuyên nghiệp” tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đối với bà Hà Thị H là người mua 02 (hai) cái mô tơ điện nhưng không biết nguồn gốc tài sản là do Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L trộm cắp mà có mà có nên không phạm tội, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn H không biết việc Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L sử dụng xe ba gác, cờ lê của mình làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không phạm tội, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án, Cơ quan chức năng đã thu giữ, xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Riêng 01 (một) xe ba gác tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cờ-lê loại một đầu mở, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cờ-lê loại hai đầu mở, chiều dài 18cm, thân rộng 1,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cờ-lê loại hai đầu mở, chiều dài 17,5cm, thân rộng 1,5cm, đã qua sử dụng là của ông Nguyễn Văn H, ông H không biết việc Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, biển số: 61G1- 08522, màu đỏ đen của Hoàng Đình D là công cụ phương tiện cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định khoản 1 khoản 3 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Đức S, Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét; Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Hà Thị H số tiền 1.100.000 đồng; vì vậy cần buộc bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản (theo phần mỗi bị cáo 550.000 đồng) cho bà Hà Thị H là phù hợp Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1, 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Đình D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, biển số: 61G1- 08522, màu đỏ đen đã qua sử dụng.

Trả lại 01 (một) xe ba gác tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cờ-lê loại một đầu mở, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cờ-lê loại hai đầu mở, chiều dài 18cm, thân rộng 1,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cờ-lê loại hai đầu mở, chiều dài 17,5cm, thân rộng 1,5cm, đã qua sử dụng cho ông Nguyễn Văn H là chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

(Tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/9/2024)

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L phải liên đới bồi thiệt hại về tài sản 1.100.000 đồng (theo phần, mỗi bị cáo 550.000 đồng) cho bà Hà Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

5. Về án phí: Buộc Hoàng Đình D, Nguyễn Viết L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/9/2024); Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- CQ THAHS-CA huyện Lệ Thủy;
- Đội ĐT-TH Công an Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu HS, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Mậu Hiệu

Trương Quang Huy

Nguyễn Văn Châu